

Bản án số: 69/2020/HS-ST
Ngày 02/6/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Tuấn và bà Nguyễn Thị Biên

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thị Thảo - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B: Ông Hoàng Văn Đĩnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 12/2020/HSST ngày 22 tháng 01 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2020/QĐXXST-HS ngày 03/3/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2020/QĐST-HPT ngày 17/3/2020; Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 260/TA ngày 01/4/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2020/QĐST-HPT ngày 05/5/2020 và Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 566/TA ngày 27/5/2020 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Văn H1**, sinh năm 1988

Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Thôn Đ, xã Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hóa: 12/12; Con ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1967 và con bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1967; Gia đình bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất; Vợ là Nguyễn Thị T, sinh năm 1987; Bị cáo có 03 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2019;

Tiền án, tiền sự: Không có

Bị cáo bị bắt tạm giam, bị tạm giam từ ngày 25/10/2019 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại Tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang. (Có mặt tại phiên tòa)

2. Họ và tên: **Nguyễn Hữu H**, sinh năm 1990

Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam;

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Thôn Đ, xã Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hóa: 12/12;

Con ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1967 và con bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1967; Gia đình bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con thứ hai. Bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: Không có;

Bị cáo bị bắt tạm giam, bị tạm giam từ ngày 02/10/2019 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại Tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang. (Có mặt tại phiên tòa)

**** Người bào chữa cho các bị cáo:***

- Ông Hoàng Đình L, sinh năm 1959 (Vắng mặt)

- Ông Nguyễn Hữu H, sinh năm 1975 (Có mặt)

Là luật sư Văn phòng luật sư 68 Hà Nội - Đ luật sư thành phố Hà Nội

Địa chỉ: Số 47, phố Đ, phường T, quận Đ, thành phố Hà Nội.

**** Bị hại:*** Anh Trịnh Văn Q, sinh năm 1989 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

**** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:***

1. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1967 (Có mặt)

Địa chỉ: Ngõ 29, đường Đ 2, thôn Đ, xã Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang

2. Anh Trịnh Văn Đ, sinh năm 1988 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang

3. Anh Trịnh Văn B, sinh năm 1990 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang

4. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1967 (Có mặt)

Địa chỉ: Ngõ 29, đường Đ 2, thôn Đ, xã Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang

5. Anh Khổng Văn V, sinh năm 2002 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

6. Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1987 (Có mặt)

Địa chỉ: Ngõ 29, đường Đ 2, thôn Đ, xã Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang

**** Người làm chứng:***

1. Anh Đặng Thành N, sinh năm 1999 (Có mặt)

Địa chỉ: Khu 1, xã S, huyện T, tỉnh Phú Thọ

2. Anh Trần Văn T, sinh năm 1995 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa

3. Ông Trịnh Văn L, sinh năm 1967 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang

4. Anh Đồng Văn T, sinh năm 1996 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà 57, đường V, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang

5. Bà Trịnh Thị H sinh năm 1968 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang

6. Ông Khổng Văn D, sinh năm 1966 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang

7. Anh Nguyễn Xuân C, sinh năm 1994 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang

8. Anh Nguyễn Văn Ng, sinh năm 1986 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn S, xã Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Buổi trưa ngày 22/02/2019, gia đình Nguyễn Văn H, sinh năm 1988 ở thôn Đ, xã Đ, thành phố B làm cơm mời khách nhân ngày Hội làng. Khoảng 12 giờ cùng ngày, một số khách ăn xong rồi đi chơi hội, còn lại một số bạn của Nguyễn Hữu H, sinh năm 1990 (là em trai của H) vẫn đang ngồi ăn. Khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày, anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1986 (là bạn của H) ở thôn S, xã Đ, thành phố B đến nhà H chơi uống nước. Khi H, anh N và Nguyễn Văn H, sinh năm 1967 là bố của H đang ngồi uống nước thì Trịnh Văn Đ, sinh năm 1988 ở cùng thôn điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 98B1- 285.85 chở anh Đặng Thành N, sinh năm 1999 ở Khu 1, xã S, huyện T, tỉnh Phú Thọ và anh Trần Văn T, sinh năm 1995 ở thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa (anh N và anh T đều là người quen của H và Đ) đến nhà H chơi, uống nước. Trong lúc ngồi uống nước, H và Đ xảy ra mâu thuẫn, Đ dùng tay bóp cổ H, hai người xảy ra xô sát, húc đầu vào nhau làm Đ bị chảy máu mũi. Thấy vậy, H1 từ trong nhà đi ra và nói với Đ là “anh đến đây cứ lảng nhà lảng nhằng”. Ông H thấy H và Đ xô sát với nhau nên can ngăn, đẩy Đ ra đầu ngõ 29, đường Đ 2, xã Đ, thành phố B, còn H và anh N tiếp tục ngồi uống nước. Bị ông H đẩy ra đầu ngõ, Đ gọi điện thoại cho em trai là Trịnh Văn Q, sinh năm 1989 đến để đánh nhau với H nhưng không thấy Q nghe điện thoại mà người nghe điện thoại là Khổng Văn V, sinh năm 2002 (là em họ của Đ) ở thôn Đ, xã Đ, thành phố B. V nghe điện thoại xong nói lại cho Q biết việc Đ và H đang xô sát, đánh nhau ở nhà H. Nghe V nói vậy, Q đi bộ đến khu vực nhà H. Lúc này, Đ đang đứng ở đầu ngõ 29, đường Đ 2, xã Đ thì gặp Trịnh Văn B, sinh năm 1990 (là anh họ của Đ) đi chơi qua. B hỏi Đ bị làm sao thì Đ nói cho B biết việc xảy ra xô

sát với H. Thấy Đ nói vậy, B cầm một viên gạch và cùng Đ quay lại nhà H để đánh H.

Sau khi ngồi chơi uống nước với H, anh N xin phép ra về. H tiễn anh N ra ngoài ngõ thì thấy Đ và B đang cầm gạch đứng ở đầu ngõ. Ông H can ngăn Đ và B thì B quăng viên gạch về phía H nhưng không trúng. Lúc này, Q đi đến đầu ngõ 29, rút chiếc gậy gỗ dài 1,5m ở rìa đường rồi cầm ở tay trái tiến đến chỗ H. Thấy vậy H gọi H1 là “H1 ơi, H1 ơi, chúng nó gọi người”, mục đích gọi H1 ra để cùng H đánh lại nhóm người của Đ. Q cầm gậy ở tay trái tiến đến gần H rồi vụt 2- 3 cái vào người H. Nghe thấy H gọi, H1 ở trong nhà chạy lên tầng 2 cầm 01 con dao dài 55 cm, chuôi dao bằng gỗ dài 19,5 cm có quấn 05 vòng kim loại màu vàng, lưỡi dao bằng kim loại dài 35,5 cm, đầu nhọn, có một lưỡi sắc, phần rộng nhất của lưỡi dao là 06 cm đựng trong vỏ dao bằng gỗ rồi chạy ra cổng. H1 rút dao ra khỏi vỏ dao rồi chạy về phía Q để đánh Q. Lúc này H bị Q cầm gậy đánh nên lùi lại phía sau thì va vào H1 làm H1 bị ngã. Thấy H1 đang cầm con dao, H dùng tay phải giằng lấy con dao H1 đang cầm rồi tiến đến chém một nhát theo chiều từ trên xuống dưới trúng vào vùng thái dương, gò má trái của Q. Theo phản xạ Q giơ tay trái lên thì lưỡi dao trúng vào mu bàn tay trái của Q làm Q bị thương ngã ngửa và rơi gậy xuống đất. H cầm dao ở tay phải tiếp tục giơ lên chém một nhát theo chiều từ trên xuống dưới trúng vào cẳng tay phải Q làm chảy máu. Thấy vậy ông Trịnh Văn L, sinh năm 1967 là hàng xóm của H vào can ngăn H. Q bỏ chạy ra đầu ngõ 29, đường Đ 2, thôn Đ, xã Đ thì thấy ông H đang đứng ở đầu ngõ 29, chỗ giao nhau giữa ngõ 29 với đường Đ 2. Q nhặt viên gạch ở sườn đường ném trúng vào đầu ông H làm ông H bị thương. Thấy vậy H1 dùng tay giằng lại con dao từ tay H rồi cùng H chạy ra đầu ngõ định đuổi đánh Q nhưng mọi người can ngăn nên H1 và H không đuổi đánh Q nữa. Sau đó, H1 và H đưa ông H đến Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Giang cấp cứu, điều trị.

Sau khi nhận được tin báo, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã tiến hành khám nghiệm hiện trường và thu giữ: 01 chiếc gậy gỗ dài 1,2 m, đường kính 03 cm; 03 viên gạch có kích thước lần lượt là (14x6x11)cm, (10x14x5,5)cm, (20x9x6)cm.

Cùng ngày 22/02/2019, bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1967 (là mẹ của H1 và H) tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 con dao dài 55 cm, chuôi dao bằng gỗ dài 19,5 cm có quấn 05 vòng kim loại màu vàng, lưỡi dao bằng kim loại dài 35,5 cm, đầu nhọn, có một lưỡi sắc, phần rộng nhất của lưỡi dao là 06 cm; 01 vỏ dao bằng gỗ dài 46,5 cm, phần rộng nhất là 08 cm (là vỏ đựng dao và con dao mà H dùng chém gây thương tích Q). Cơ quan điều tra đã cho Nguyễn Văn H và Nguyễn Hữu H nhận dạng, kết quả H và H1 nhận ra con dao mà bà T giao nộp cho

Cơ quan điều tra chính là con dao mà H1 cầm từ trong nhà ra ngõ, rồi H dùng chém gây thương tích Q ngày 22/02/2019.

Sau khi bị chém gây thương tích, Trịnh Văn Q được cấp cứu, điều trị tại Bệnh viện hữu nghị Việt Đức từ ngày 22/02/2019 đến ngày 25/02/2019 thì chuyển về Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Giang điều trị từ ngày 25/02/2019 đến ngày 28/02/2019 thì ra viện, sau đó điều trị ngoại trú tại Bệnh viện phục hồi chức năng tỉnh Bắc Giang từ ngày 24/4/2019 đến ngày 21/5/2019 ra viện.

Tại giấy chứng thương ngày 12/3/2019, Bệnh viện hữu nghị Việt Đức xác nhận tình trạng thương tích của Trịnh Văn Q lúc vào viện như sau: Tỉnh, Glasgow 15 điểm, Mạch 90L/phút, Huyết áp 120/80 mmHg. Đồng tử hai bên đều, phản xạ sáng (+); Vết thương thái dương trái 7 cm đã khâu. CT Scanne sọ não: Hiện không thấy máu tụ nội sọ trên phim. Gãy cung tiếp gò má trái. CT Scanne hàm mặt: Gãy cung tiếp gò má trái; Vết thương mặt sau cằm tay phải 5 cm, hạn chế duỗi cổ tay, ngón tay phải, mạch quay (+); Vết thương mu bàn tay trái 3 cm gọn, lộ gân duỗi ngón tay; Ngực- chậu vững. Bụng mềm.

Sau khi bị Q dùng gạch gây thương tích, cùng ngày 22/02/2019 ông Nguyễn Văn H được cấp cứu, điều trị tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Giang đến ngày 22/02/2019 thì ra viện.

Tại Kết luận giám định pháp y về thương tích số 8777/19/TgT ngày 04/4/2019, Trung tâm Pháp y Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bắc Giang kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên của Trịnh Văn Q hiện tại là 25%. Thương tích do vật sắc gây nên.

Tại Kết luận giám định pháp y về thương tích số 2426/C09-TT1 ngày 24/5/2019, Viện khoa học hình sự Bộ Công an kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên của Trịnh Văn Q hiện tại là 22%. Thương tích do vật sắc gây nên.

Tại Kết luận giám định pháp y về thương tích số 9084/19/TgT ngày 01/10/2019, Trung tâm Pháp y Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bắc Giang kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên của ông Nguyễn Văn H hiện tại là 3%. Thương tích do vật tày gây nên, không xác định được chiều hướng gây thương tích.

Ngày 02/10/2019, Cơ quan điều tra đã bắt tạm giam đối với Nguyễn Hữu H.
Ngày 25/10/2019, Cơ quan điều tra đã bắt tạm giam đối với Nguyễn Văn H.

Quá trình điều tra, anh Trịnh Văn Q trình bày các thương tích trên cơ thể là do Nguyễn Hữu H dùng dao chém gây nên. Nguyễn Hữu H không thừa nhận hành vi dùng dao chém anh Q; H1 khai các thương tích của Q là do H dùng dao chém gây nên. Tiến hành cho Q và H1 đối chất với nhau nhưng H1 không thừa nhận hành vi dùng dao chém gây thương tích Q. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án có căn cứ xác định các thương tích ở vùng thái dương trái, mu bàn tay trái và cẳng tay phải của Trịnh Văn Q là do Nguyễn Văn H dùng dao chém gây nên.

Ngày 16/01/2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã thực nghiệm điều tra vụ án, kết quả Nguyễn Văn H đã thực hiện lại hành vi cố ý gây thương tích như đã khai tại Cơ quan điều tra.

Đối với hành vi của Trịnh Văn Q dùng gậy gỗ đánh vào người Nguyễn Văn H do H không bị thương tích gì và không có yêu cầu đề nghị gì nên Cơ quan điều tra Công an thành phố B không đề cập xử lý.

Đối với hành vi của Trịnh Văn Q dùng gạch ném gây thương tích ông Nguyễn Văn H, ngày 26/12/2019 Cơ quan điều tra Công an thành phố B ra quyết định khởi tố vụ án hình sự số 21; khởi tố bị can số 50 đối với Q về tội “Cố ý gây thương tích” để tiến hành điều tra trong một vụ án khác.

Đối với 03 viên gạch có kích thước lần lượt là (14x6x11)cm, (10x14x5,5)cm, (20x9x6)cm thu giữ khi khám nghiệm hiện trường. Quá trình điều tra xác định là vật chứng của vụ án “Cố ý gây thương tích” theo quyết định khởi tố vụ án số 21 ngày 26/12/2019 của Cơ quan điều tra Công an thành phố B. Cơ quan điều tra Công an thành phố B đã tách vật chứng là 03 viên gạch nêu trên để tiếp tục điều tra, xử lý theo quy định.

Về trách nhiệm dân sự: Trịnh Văn Q yêu cầu H, H1 phải bồi thường toàn bộ các chi phí liên quan đến việc Q bị chém gây thương tích với tổng số tiền là 80.000.000 đồng.

Vật chứng của vụ án gồm: 01 con dao dài 55 cm, chuôi dao bằng gỗ dài 19,5 cm có quấn 05 vòng kim loại màu vàng, lưỡi dao bằng kim loại dài 35,5 cm, đầu nhọn, có một lưỡi sắc, phần rộng nhất của lưỡi dao là 06 cm; 01 vỏ dao bằng gỗ dài 46,5 cm, phần rộng nhất là 08 cm; 01 chiếc gậy gỗ dài 1,2 m, đường kính 03 cm được nhập kho vật chứng để xử lý.

Tại cơ quan điều tra, Nguyễn Văn H và Nguyễn Hữu H đã khai nhận hành vi phạm tội.

Tại bản cáo trạng số 21/CT-VKS ngày 22 tháng 01 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn H và Nguyễn Hữu H về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay:

Bị cáo H và bị cáo H1 khai nhận nội dung diễn biến sự việc như bản Cáo trạng nêu là đúng, Viện kiểm sát truy tố các bị cáo là đúng tội, không oan sai. Bị cáo nhận thức hành vi của mình là sai, vi phạm pháp luật. Các bị cáo xin lỗi bị hại. Các bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại tổng số tiền là 40.000.000 đồng theo yêu cầu của bị hại. Đến nay gia đình các bị cáo (do bố mẹ đẻ của các bị cáo là ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị T và vợ bị cáo H là chị Nguyễn Thị T) đã bồi thường cho anh Q số tiền 40.000.000 đồng (trong đó có 10.000.000 đồng do chị T đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B ngày 13/5/2020 và số tiền 30.000.000 đồng theo biên bản thỏa thuận ngày 24/5/2020). Các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử cho các bị cáo hưởng mức hình phạt nhẹ nhất.

Bị hại là anh Trịnh Văn Q trình bày: Các bị cáo khai là đúng. Tại cơ quan điều tra anh khai khoảng 14 giờ 00 ngày 22/02/2019, biết tin anh Đ đánh nhau với anh em H1, H nên anh đến nhà H1, H. Đến nơi anh thấy H1 cầm 01 con dao loại dao mèo chạy từ trong nhà ra, phía trước H1 có anh trai H1 là H không mặc áo đi bộ còn anh Đ thì đã chạy ra đầu ngõ 29. Thấy vậy anh dùng tay trái cầm 01 chiếc gậy gỗ dạng cán chổi dài khoảng 1,5 m cầm ở hàng rào cạnh đường chạy về phía H1, H. Anh cầm gậy khua khoảng về phía người H thì H1 chạy từ phía sau H lên, H1 cầm con dao chém một cái trúng đầu bên trái anh làm anh ngã ngồi xuống đường. H1 tiếp tục cầm dao chém hai phát về phía đầu anh, anh giơ hai tay lên đỡ thì bị H1 chém vào cổ tay phải và mu bàn tay trái. Sau đó mọi người vào can ngăn, anh Đ đưa anh ra đầu ngõ 29 rồi đưa đến bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Giang cấp cứu. Tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay anh xác định do khi bị chém anh bị choáng nên không nhớ rõ là ai đã chém anh nhưng giờ đã bình tĩnh và ổn định nhớ lại sự việc anh xác định các thương tích ở vùng thái dương trái, mu bàn tay trái và cẳng tay phải của anh là do Nguyễn Văn H dùng dao chém gây nên. Anh xác định anh cũng có một phần lỗi trong sự việc xảy ra. Anh xác định lời khai của anh tại phiên tòa hôm nay là chính xác.

Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra anh có yêu cầu các bị cáo H1 và H phải bồi thường cho anh 300.000.000 đồng, sau đó tại Viện kiểm sát nhân dân thành phố B anh chỉ yêu cầu các bị cáo phải bồi thường cho anh số tiền 80.000.000 đồng. Nhưng đến nay gia đình các bị cáo đã bồi thường cho anh tổng số tiền là 40.000.000 đồng (trong đó đã nộp 10.000.000 đồng vào Chi cục thi hành án dân sự thành phố B và 30.000.000 đồng tại gia đình anh có biên bản thỏa thuận vào ngày 24/5/2020). Anh nhất trí với số tiền bồi thường của gia đình các bị cáo, không có yêu cầu bồi thường thêm bất cứ khoản nào cũng như không có ý kiến gì

khác. Tại phiên tòa hôm nay anh xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo và cho bị cáo H1 được hưởng án treo.

+ *Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa trình bày:*

Ông Nguyễn Văn H và vợ là bà Nguyễn Thị T cùng trình bày: Các bị cáo trình bày là đúng. Sau khi sự việc xảy ra, các bị cáo H1 và H đã tác động nhờ vợ chồng ông bà tới xin lỗi và bồi thường cho gia đình anh Q thay các bị cáo. Vợ chồng bà và chị T (là vợ bị cáo H) đã bồi thường cho gia đình anh Q tổng số tiền là 40.000.000 đồng (trong đó đã nộp 10.000.000 đồng vào Chi cục thi hành án dân sự thành phố B và 30.000.000 đồng tại gia đình anh Q theo biên bản thỏa thuận ngày 24/5/2020). Tiền đó là tiền của gia đình ông bà. Nay ông bà không yêu cầu các bị cáo phải trả lại ông bà.

Chị Nguyễn Thị T trình bày: Sau khi sự việc xảy ra, các bị cáo H1 và H đã tác động nhờ chị tới xin lỗi và bồi thường cho gia đình anh Q thay các bị cáo. Chị và bố mẹ chồng (là bà T và ông H) đã bồi thường cho gia đình anh Q 40.000.000 đồng (trong đó chị đã nộp 10.000.000 đồng vào Chi cục thi hành án dân sự thành phố B và 30.000.000 đồng tại gia đình anh Q theo biên bản thỏa thuận ngày 24/5/2020). Tiền đó là tiền của gia đình chị. Nay chị không yêu cầu các bị cáo phải trả lại chị.

Anh Trịnh Văn B trình bày: Anh nhất trí với lời khai của các bị cáo và không có ý kiến bổ sung gì khác. Anh xác định để xảy ra sự việc của ngày 22/02/2019 có một phần lỗi của anh. Anh thấy hối hận và sẽ rút kinh nghiệm cho bản thân, không để xảy ra sự việc tương tự nữa. Anh mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo vì các bị cáo với bị hại và những người liên quan đều là anh em họ hàng, không có mâu thuẫn gì với nhau.

Anh Trịnh Văn Đ trình bày: Anh nhất trí với lời khai của các bị cáo và không có ý kiến bổ sung gì khác. Anh xác định để xảy ra sự việc của ngày 22/02/2019 có một phần lỗi của anh. Anh thấy hối hận về hành động của bản thân. Anh mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo vì các bị cáo với bị hại và những người liên quan đều là anh em họ hàng, trước đó không có mâu thuẫn gì với nhau.

Anh Không Văn V trình bày: Anh nhất trí với lời khai của các bị cáo, bị hại và không có ý kiến bổ sung gì khác.

+ *Những người làm chứng có mặt tại phiên tòa trình bày:*

Anh Đặng Thành N trình bày: Anh nhất trí với lời khai của các bị cáo, bị hại và không có ý kiến bổ sung gì khác.

Anh Nguyễn Xuân C trình bày: Anh nhất trí với lời khai của các bị cáo, bị hại và không có ý kiến bổ sung gì khác.

Hội đồng xét xử công bố lời khai của những người tham gia tố tụng được triệu tập nhưng vắng mặt tại phiên tòa và các tài liệu khác có trong hồ sơ. Bị cáo, bị hại, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và những người làm chứng có mặt tại phiên tòa nhất trí và không có ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử:

* Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn H và Nguyễn Hữu H phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”.

* Về hình phạt:

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, 58, 54, 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H từ 18 đến 22 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 25/10/2019. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, 58, 54, 65 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu H từ 16 đến 20 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 32 đến 40 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

* Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy 01 con dao dài 55 cm, chuôi dao bằng gỗ dài 19,5 cm có quấn 05 vòng kim loại màu vàng, lưỡi dao bằng kim loại dài 35,5 cm, đầu nhọn, có một lưỡi sắc, phần rộng nhất của lưỡi dao là 06 cm; 01 vỏ dao bằng gỗ dài 46,5 cm, phần rộng nhất là 08 cm là công cụ phạm tội; 01 chiếc gậy gỗ dài 1,2 m, đường kính 03 cm.

- Trả cho anh Trịnh Văn Q số tiền 10.000.000 đồng mà gia đình các bị cáo đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B để bồi thường cho anh Q.

* Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội, buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí Hình sự sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo H và bị cáo H1 phát biểu ý kiến bào chữa: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, điểm e, điểm s Khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 xem xét áp dụng hình phạt “án treo” cho cả hai bị cáo Nguyễn Văn H và bị cáo Nguyễn Hữu H theo quy định của Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo do Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao ban hành.

Các bị cáo nhất trí với lời bào chữa của luật sư bào chữa, không có ý kiến bổ sung gì khác.

Ý kiến tranh luận của đại diện viện kiểm sát: Giữ nguyên quan điểm không áp dụng điểm e Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 cho cả hai bị cáo và không cho bị cáo H hưởng án treo.

Bị hại đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt thấp hơn nữa so với mức án mà Đại diện Viện kiểm sát đề nghị.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nhất trí với phần luận tội của đại diện Viện kiểm sát và không có ý kiến bổ sung gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B giữ nguyên quan điểm đã trình bày tại phiên tòa.

Không ai có ý kiến tranh luận gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về người tham gia tố tụng: Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử Tòa án đưa anh Nguyễn Văn N là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Tuy nhiên căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, xác định anh N không liên quan gì đến vụ án mà chỉ được chứng kiến một phần của sự việc. Do vậy, Hội đồng xét xử đưa anh N tham gia tố tụng với tư cách là người làm chứng.

Trong quá trình Tòa án xét xử vụ án, ngày 24/5/2020, chị Nguyễn Thị T (là vợ của bị cáo H) nộp cho Tòa án 02 biên lai cùng ngày 13/5/2020 thể hiện chị là người nộp số tiền 10.000.000đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B để bồi thường cho bị hại. Do vậy, Hội đồng xét xử đưa chị Nguyễn Thị T tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc kH1 nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[3] Về tội danh của các bị cáo: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với thời gian, địa điểm xảy ra tội phạm, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người làm chứng và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Khoảng 14 giờ ngày 22/02/2019, tại khu vực ngõ 29, đường Đ 2, thôn Đ, xã Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang, do bức tức việc Trịnh Văn Q có hành vi dùng gậy gõ đánh mình nên Nguyễn Văn H có hành vi dùng 01 con dao dài 55 cm có một đầu nhọn, chuôi dao bằng gỗ dài 19,5 cm, lưỡi dao sắc bằng kim loại dài 35,5 cm là hung khí nguy hiểm chém trúng vào vùng thái dương trái, mu bàn tay trái và cẳng tay phải của Trịnh Văn Q, sinh năm 1989

ở thôn Đ, xã Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Hậu quả anh Q bị tổn thương cơ thể do thương tích gây nên là 22%. Bị cáo Nguyễn Hữu H có hành vi cầm dao để cùng H đánh nhau với Q, H sử dụng dao của H1 chém gây thương tích cho Q, do vậy bị cáo Nguyễn Hữu H phải chịu trách nhiệm với vai trò đồng phạm với bị cáo Nguyễn Văn H. Viện kiểm sát nhân dân thành phố B truy tố các bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ và đúng pháp luật.

[4] Về nhân thân, tính chất hành vi phạm tội, vai trò của từng bị cáo thấy:

Trong vụ án này có 02 bị cáo cùng thực hiện hành vi phạm tội nhưng giữa các bị cáo không có sự bàn bạc, phân công nhiệm vụ cụ thể cho nhau nên đây chỉ là vụ án có đồng phạm mang tính giản đơn. Bị cáo H là người trực tiếp dùng dao chém gây thương tích cho anh Q nên bị cáo giữ vai trò chính và phải chịu hình phạt cao hơn bị cáo H1. Bị cáo H1 là người cầm dao chạy ra để cùng H đánh lại anh Q, bị cáo H sử dụng con dao này chém gây thương tích anh Q nên bị cáo H1 phải chịu trách nhiệm với vai trò là đồng phạm với bị cáo H và phải chịu hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của mình.

Bị cáo H là người có vai trò chính, trực tiếp gây thương tích đối với anh Q nên cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội trong một thời gian nhất định nhằm đảm bảo việc giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho xã hội.

Bị cáo H1 với vai trò đồng phạm, không trực tiếp gây thương tích đối với anh Q. Bị cáo H1 và bị cáo H là hai anh em ruột trong một gia đình có bố mẹ thường xuyên đau ốm, không có khả năng lao động; bố của các bị cáo cũng bị anh Q gây thương tích trong vụ án khác; vợ và hai con nhỏ của bị cáo H hiện đang ở cùng nhà bố mẹ của bị cáo; vợ bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định; bản thân các bị cáo là lao động chính trong gia đình. Do vậy không cần thiết phải cách ly bị cáo H1 ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo và giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách cũng đủ đảm bảo giáo dục riêng, phòng ngừa chung cho xã hội và thể hiện tính khoan hồng của pháp luật đối với bị cáo H1.

[5] Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Sau khi sự việc xảy ra các bị cáo tích cực tác động tích để gia đình bị cáo bồi thường theo yêu cầu của bị hại. Trong vụ án này bị hại cũng có một phần lỗi. Anh Q có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo và xin cho bị cáo H1 được hưởng án treo vì anh cũng xác định mình có một phần lỗi trong vụ việc này. Do vậy cần cho các bị cáo được hưởng các tình

tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Người bào chữa cho các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng cho các bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “*Phạm tội trong trường hợp bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của nạn nhân gây ra*” được quy định tại điểm e khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 và cho bị cáo H được hưởng án treo. Hội đồng xét xử nhận thấy mặc dù anh Q có hành vi dùng gậy đánh về phía bị cáo H, H đã chạy vào phía trong nhà nhưng sau đó H va vào bị cáo H1, thấy H1 cầm dao ra bị cáo H đã giằng dao từ tay bị cáo H1 và thực hiện việc chém nhiều nhát về phía anh Q. Khi thấy H cầm dao ra thì anh Q đã dừng lại nhưng bị cáo H vẫn vung dao chém nhiều nhát về phía anh Q. Trong tình huống như vậy, bị cáo H có thể có nhiều phương thức để lựa chọn như bỏ chạy vào nhà và báo chính quyền địa phương,...nhưng bị cáo H đã lựa chọn phương thức giằng dao từ bị cáo H1 và chém anh Q, thể hiện bị cáo H cố ý chém gây thương tích cho anh Q. Mặt khác, khi thực hiện hành vi chém anh Q, bị cáo có nhận thức được việc bị cáo chém như vậy sẽ gây thương tích cho anh Q thể hiện qua hành động khi bị cáo chém thấy anh Q chảy máu thì bị cáo đã dừng lại và bỏ vào nhà. Còn bị cáo H1 không hề bị anh Q đánh hay vụt nhưng chỉ nghe bị cáo H gọi đã cầm dao chạy ra để cùng bị cáo H đánh Q. Do vậy không có căn cứ để áp dụng cho các bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Đối với đề nghị xem xét cho bị cáo H được hưởng án treo, Hội đồng xét xử thấy trong vụ án này bị cáo H là người trực tiếp dùng dao thực hiện hành vi chém gây thương tích cho anh Q, tỉ lệ thương tích là 22%, hành vi của bị cáo bị truy tố theo điểm đ, khoản 2, Điều 134 của Bộ luật Hình sự là tội phạm nghiêm trọng. Mặt khác, trong tình hình trên địa bàn thành phố B loại tội này đang có chiều hướng gia tăng do vậy để đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật cũng như đáp ứng tinh thần đấu tranh phòng chống tội phạm đối với loại tội này, Hội đồng xét xử thấy không có căn cứ chấp nhận đề nghị cho bị cáo H được hưởng án treo của người bào chữa.

[6] Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của các bị cáo thấy: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Sau khi vụ án xảy ra, gia đình các bị cáo (do vợ chồng ông H, bà T và chị T) đã tự nguyện bồi thường cho anh Q tổng số tiền 40.000.000 đồng (trong đó chị T nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B cho các bị cáo tổng số tiền là 10.000.000 đồng theo các biên lai số AA/2015/0000272 và số AA/2015/000272 cùng ngày 13/5/2020 và 30.000.000 đồng theo biên bản thỏa thuận ngày 24/5/2020 tại gia đình anh Q). Tại phiên tòa anh Q xác nhận đã nhận của gia đình các bị cáo số tiền 30.000.000 đồng và đồng ý nhận 10.000.000 đồng mà gia đình các bị cáo đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân

sự thành phố B. Do vậy cần chấp nhận sự tự nguyện trên là phù hợp với quy định tại Điều 48 của Bộ luật hình sự và Điều 590 của Bộ luật dân sự. Đến nay anh Q không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thêm khoản nào khác do vậy trách nhiệm dân sự không đặt ra xem xét trong vụ án này.

Đối với tổng số tiền 40.000.000 đồng mà ông H, bà T và chị T đã tự nguyện đứng ra bồi thường cho anh Q thay các bị cáo, nay ông H, bà T và chị T không yêu cầu các bị cáo phải trả cho ông H, bà T và chị T do vậy không đặt ra giải quyết. Nếu ông H, bà T và chị T với các bị cáo có tranh chấp sẽ xem xét giải quyết trong vụ án khác.

[8] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo H1 và bị cáo H tuổi đời còn trẻ, có việc làm tuy nhiên không ổn định và thu nhập thấp, hơn nữa các bị cáo cũng đã có trách nhiệm bồi thường theo yêu cầu của bị hại. Do vậy, cần miễn áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[9] Đối với hành vi của Trịnh Văn B và Trịnh Văn Đ: Kết luận điều tra và Cáo trạng đã xác định rõ nguyên nhân chính xuất phát từ việc Đ và H có xô xát trước đó. Mặc dù đã được mọi người can ngăn nhưng Đ vẫn gọi cho Q, Đến, cầm theo hung khí (Đ, B cầm gạch, Q cầm gậy) với mục đích đánh H. Bằng có hành vi tham gia cùng Q, Đ kéo về ngõ nhà ông H và B đã cầm gạch ném về H đang đứng ở giữa ngõ. Khi ông H quay sang ngăn B, Đ thì Q cầm gậy đuổi đánh H. Hiện mới chỉ có Trịnh Văn Q đã bị khởi tố về hành vi “Cố ý gây thương tích” đối với ông H bằng một vụ án độc lập. Còn hành vi của Đ, B chưa được xem xét xử lý. Các hành vi trên của B và Đ có dấu hiệu của tội “Cố ý gây thương tích”. Do đó, việc xem xét, xử lý đúng pháp luật đối với hành vi của Đ, B là cần thiết, tránh bỏ lọt tội phạm. Ngày 03/3/2020, Tòa án đã có Công văn số 21/TA yêu cầu với Cơ quan điều tra tiếp tục xem xét xử lý đối với hành vi của Trịnh Văn B và Trịnh Văn Đ. Ngày 26/4/2010, tại Bản kết luận điều tra vụ án hình sự đề nghị truy tố số 77 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã đề nghị chính quyền xã Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang quản lý, giáo dục Đ và Bằng tại địa phương không để xảy ra vi phạm tương tự.

[10] Xử lý vật chứng: Đối với 01 con dao dài 55 cm, chuôi dao bằng gỗ dài 19,5 cm có quấn 05 vòng kim loại màu vàng, lưỡi dao bằng kim loại dài 35,5 cm, đầu nhọn, có một lưỡi sắc, phần rộng nhất của lưỡi dao là 06 cm; 01 vỏ dao bằng gỗ dài 46,5 cm, phần rộng nhất là 08 cm là công cụ, phương tiện phạm tội; 01 chiếc gậy gỗ dài 1,2 m, đường kính 03 cm cần tịch thu tiêu hủy là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Đối với số tiền 10.000.000đồng theo các biên lai số AA/2015/0000272 và số AA/2015/000272 cùng ngày 13/5/2020 do chị T nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B để bồi thường cho anh Trịnh Văn Q, nên cần trả lại cho anh Q.

[11] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[12] Cần trả tự do cho bị cáo Nguyễn Hữu H nếu không bị tạm giam về tội khác. Cần tiếp tục tạm giam bị cáo Nguyễn Văn H 45 ngày để đảm bảo thi hành án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn H và Nguyễn Hữu H phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”.

2. Về hình phạt:

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, 58, 54, 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 01 (Một) năm 04 (Bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 25/10/2019.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, 58, 54, 65 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu H 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo H1 cho Ủy ban nhân dân xã Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trả tự do cho bị cáo Nguyễn Hữu H nếu bị cáo không bị tạm giam về tội khác.

Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã được hưởng án treo.

3. Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

3.1. Tịch thu tiêu hủy 01 con dao dài 55 cm, chuôi dao bằng gỗ dài 19,5 cm có quấn 05 vòng kim loại màu vàng, lưỡi dao bằng kim loại dài 35,5 cm, đầu nhọn, có một lưỡi sắc, phần rộng nhất của lưỡi dao là 06 cm; 01 vỏ dao bằng gỗ dài 46,5 cm, phần rộng nhất là 08 cm là công cụ phạm tội; 01 chiếc gậy gỗ dài 1,2 m, đường kính 03 cm.

3.2. Trả cho anh Trịnh Văn Q số tiền 10.000.000 đồng là tiền bồi thường cho anh Q mà gia đình các bị cáo đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố

B theo các biên lai số AA/2015/0000272 và số AA/2015/000272 cùng ngày 13/5/2020.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 21, Điều 23 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự ./.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố B;
- Công an thành phố B;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục THADS TP B;
- Các bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Hằng